

Bản án số: 108/2021/DS-PT

Ngày 18- 3- 2021

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất, Ca thừa kế quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa p tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký p tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia p tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 662/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ca thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc S: Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1969 (có mặt) (Giấy ủy quyền ngày 02/01/2018)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 132, đường Cách Mạng tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Phú Cường, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1949 (có mặt).

2. Bà Phan Thị C, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C có ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2017). (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1962 (có mặt).

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N có ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017). (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt) .

Do có kháng cáo của các nguyên đơn là bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Kim C (chết năm 2008) và bà Huỳnh Thị P (chết năm 2009) có 07 người con gồm: Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Lan C, Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Kim Quang H (chết năm 2007) và Nguyễn Thị Kim L. Lúc sinh thời ông C bà P có tạo lập và thừa hưởng của ông bà diện tích khoảng 20.000m², nhưng đã được chia thừa kế theo Bản án số:

118/2013/DSPT, ngày 02/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Riêng phần diện tích 350m², loại đất nông nghiệp, vị trí giáp Rạch tập đoàn tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không yêu cầu chia thừa kế. Sau khi ông C bà P chết (không để lại di chúc) nhưng có làm tờ tương phân, bà Đ quản lý sử dụng phần đất này để trồng cây ngắn ngày đến năm tháng 9/2010 thì ông Nguyễn Hữu C lấy canh tác. Đến tháng 12/2014 ông C bán phần đất diện tích 350m² này cho ông Nguyễn Hữu P với giá 10 chỉ vàng 24K. Sau đó, ông P nhập phần đất diện tích 350m² này vào thửa 102, tờ bản đồ số 8, thành diện tích chung là 6.994,6m², loại đất lúa được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 11/01/2011.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu P trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 333,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa số 102, tờ bản đồ số 8, trong tổng diện tích 6.994,6m², do ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người thừa kế của ông C, bà p quản lý và sử dụng. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02494 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 11/01/2011 đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.994,6m², loại đất lúa do ông P bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 333,1m².

Yêu cầu Ca thừa kế đối với phần đất diện tích 333,1m² thuộc thửa 102 thành 06 phần gồm Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Lan C, Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L. Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật là đất. Nguyên đơn thống nhất theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá ngày 29/9/2017 và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/10/2017.

- Bị đơn Nguyễn Hữu P và Phan Thị C có ông Nguyễn Hữu P làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào tháng 4/2006 ông P có mua của ông Nguyễn Hữu C phần đất diện tích khoảng 300m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long với giá 10 chỉ vàng 24K, có làm giấy tay nhưng đã bị thất lạc. Đến ngày 11/01/2011 thì ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.994,6m² bao gồm phần đất mua của ông C và phần đất thửa 238, diện tích 3.460m² và thửa 239, diện tích 3.700m² của ông P trước đây. Khi mua đất thì ông C và bà p còn sống và không có tranh chấp. Sau khi mua thì ông P không canh tác chỉ để khai nước vào phần đất phía trong của ông P. Hiện nay phần đất này ông P đang quản lý và sử dụng. Nay ông P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không đồng ý trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 333,1m² vì ông P mua của ông C diện tích theo đo đạc thực tế 186,9m², phần còn lại của diện tích tranh chấp là 146,2m² là đất của ông P. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02494 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 11/01/2011 đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.994,6m², loại đất lúa do ông P bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 333,1m². Bị đơn thống nhất theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá ngày 29/9/2017 và Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Diện tích theo xác định của ông P, ông C là 186,9m² giảm do mở đường.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu C trình bày:* Năm 2006 ông C có bán một phần đất khoảng 300m² cho ông Nguyễn Hữu P với giá 10 chỉ vàng 24K có làm giấy tay nhưng đã bị thất lạc. Nguồn gốc đất là của ông bà cho ông Sáu Thái cất nhà ở, sau đó ông Sáu Thái chết nên bỏ hoang. Khoảng 2005 bà P nói cho ông C phần đất này do ông C bà P không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi cho đất chỉ nói miệng không làm giấy tờ. Nay các em gồm Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Ca thừa kế phần đất này ông C không đồng ý vì phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ai thì ông không rõ, khi đó đất bỏ hoang không ai kê khai đăng ký ông C bán cho ông P và ông P đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị N có ông Nguyễn Hữu C đại diện trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông C, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lan C trình bày:* Không có ý kiến và yêu cầu trong vụ án này, yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại Công văn số 333/UBND-NC ngày 28/5/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B có ông Lê Văn Phúc làm đại diện trình bày:* Về nguồn gốc thửa đất 102, tờ bản đồ số 08, diện tích 6.994,6m² của hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C có nguồn gốc từ thửa 238, diện tích 3.460m² do UBND huyện Bình Minh cấp cho ông Nguyễn Hữu P ngày 11/8/2003; thửa 239, diện tích 3.700m² do UBND huyện Bình Minh cấp cho ông Nguyễn Hữu P ngày 13/9/2004 và một phần đất diện tích 300m² ông P mua

của ông Nguyễn Hữu C, phần đất là của cha ông C là ông Nguyễn Kim C để lại. Từ năm 1996 thì phần đất này không có người sử dụng (người dân thường dùng để buộc trâu), từ sau năm 1996 ông P trực tiếp sử dụng phần đất này cho đến nay và thực hiện nghĩa vụ tài chính trên phần đất này đối với cơ quan nhà nước.

Do đặc dự án Vlap, hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C kê khai, đăng ký thửa 102, diện tích 6.994,6m², đất trồng lúa được Hội đồng tư vấn đồng ý cho nhận cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/10/2011.

Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.994,6m² do hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên, được UBND huyện B cấp ngày 11/10/2011 là đúng theo quy định của pháp luật. Lý do: Tại thời điểm xét cấp, UBND xã Thành Đông không có nhận được đơn thư khiếu nại hay tranh chấp liên quan đến thửa 102, tờ bản đồ số 08, diện tích 6.994,6m² và được Hội đồng tư vấn xã thống nhất cho xét cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo bản đồ địa chính chính quy.

Việc tranh chấp QSDĐ và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nguyên đơn Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Ngọc N đối với diện tích 333,1m², thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 08, diện tích 6.994,6m² do hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên được UBND huyện B cấp ngày 11/10/2011 không thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Ủy ban nhân dân huyện sẽ giải quyết vụ việc trên khi có bản án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân huyện B xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:* Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý nợ vay trong vụ kiện này và xin vắng mặt tại tất cả p tòa xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 và khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 100, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 609, Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C phải trả lại diện tích 333,1m², thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho những người thừa kế của ông Nguyễn Kim C, bà Huỳnh Thị p.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02494 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 11/01/2011 đối với diện tích 333,1m² thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC, phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu C Ca thừa kế đối với phần đất diện tích 333,1m² thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho những người thừa kế của ông Nguyễn Kim C, bà Huỳnh Thị p, hiện do ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, C phí khảo sát, đo đạc, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 23/7/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại p tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Bà Nguyễn Kim Đ là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc S đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của các nguyên đơn: buộc ông Nguyễn Hữu P trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 333,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa số 102, tờ bản đồ số 8, trong tổng diện tích 6.994,6m², do ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người thừa kế của ông C, bà p quản lý và sử dụng.

Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02494 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 11/01/2011 đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.994,6m², loại đất lúa do ông P bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 333,1m². Yêu cầu Ca thừa kế đối với phần đất diện tích 333,1m² thuộc thửa 102 thành 06 phần gồm Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Lan C, Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện quá trình sử dụng, đăng ký đất đai mà chỉ dựa vào trả lời của Ủy ban nhân dân huyện B; Phần đất tranh chấp các nguyên đơn sử dụng liên tục từ trước giải phóng cho đến ngày 24 tháng 12 năm 2014, ông P đốn hai cây trâm bầu trên đất mới phát sinh tranh chấp; Ngày 11 tháng 10 năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện B mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P. Từ năm 1996 đến năm 2011, ông P không sử dụng đất cũng như không có các giấy tờ gì chứng minh phần đất này của ông P; Đất tranh chấp do ông Nguyễn Minh C, bà Huỳnh Thị p sử dụng liên tục từ trước giải phóng cho đến khi qua đời, ông C có kê khai đất đai theo tư liệu đo đạc thực hiện Chỉ thị 229/TTg. Trước khi qua đời, ông C, bà p có làm tờ tương phân giao đất cho bà Đ quản lý sử dụng đến tháng 9 năm 20210 thì ông Nguyễn Hữu C lấy danh tác và bán cho ông Nguyễn Hữu P, không có sự đồng ý của các nguyên đơn. Hơn nữa, phần đất khác mà các nguyên đơn được chia thừa kế theo pháp luật tại bản án dân sự phúc thẩm số 118/2013/DS-PT ngày 02/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ở phía trong bị vây bọc bởi đất của ông C và ông P không có đường nước tưới tiêu.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Kim Đ.

Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin vắng mặt tại p tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị C trình bày:

Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu C thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu P

Bà Nguyễn Thị Lan C được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Vĩnh Long có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, p tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt mà không có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L. Đối với việc các nguyên đơn: Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại p Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại p tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của phía nguyên đơn thì phần đất có diện tích 300m² (theo đo đạc thực tế là 333,1m²) mà các bên đang tranh chấp thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của cha mẹ nguyên đơn là ông Nguyễn Kim C, bà Huỳnh Thị p để lại.

Tuy nhiên, theo các Công văn số 333/UBND-NC ngày 28/5/2018, Công văn số 916/UBND-NC ngày 26/12/2018, UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã xác định: “Phần đất có diện tích 300m² mà các bên đang tranh chấp có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu P mua lại của ông Nguyễn Hữu C. Từ năm 1996 phần

đất này không có người sử dụng, sau năm 1996 cho đến nay phần đất này do ông P trực tiếp sử dụng và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan nhà nước. Ông Nguyễn Kim C là cha của ông C không có kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 300m² này trong sổ bộ địa chính. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.994,6m² (bao gồm 300m² đang tranh chấp) cho hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C là đúng theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm xét cấp giấy chứng nhận cho hộ ông P, UBND xã không nhận được đơn thư khiếu nại hay tranh chấp”.

Hiện nay, tại p tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh phần đất đang tranh chấp là di sản của ông Nguyễn Kim C và bà Huỳnh Thị P. Tại thời điểm bị đơn nhận chuyển nhượng phần đất từ ông C thì ông C, bà P vẫn còn sống mà không có tranh chấp gì. Ông C không có kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 300m² này trong sổ bộ địa chính. Phía nguyên đơn cũng có lời trình bày khi Tòa án giải quyết yêu cầu Ca thừa kế di sản của ông C, bà P vào năm 2013 thì phía nguyên đơn cũng không yêu cầu Ca thừa kế đối với phần đất 300m² này. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, Tòa án phúc thẩm đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng có đơn xin vắng mặt mà không xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng Dân sự Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp có diện tích 300m² (theo đo đạc thực tế là 333,1m²) thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là di sản thừa kế của ông C, bà p; từ đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Cấp cao tại p tòa.

[2] Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 100, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 609, Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.
- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C phải trả lại diện tích 333,1m², thuộc một phần thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho những người thừa kế của ông Nguyễn Kim C, bà Huỳnh Thị p.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02494 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 11/01/2011 đối với diện tích 333,1m² thuộc một phần thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Hữu P, bà Phan Thị C đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu C Ca thừa kế đối với phần đất diện tích 333,1m² thuộc một phần thửa số 102, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho những người thừa kế của ông Nguyễn Kim C, bà Huỳnh Thị p, hiện do ông Nguyễn Hữu P và bà Phan Thị C đứng tên.

4. Về án phí:

- Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà phía nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000526 ngày 22/3/2017 và số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000555 ngày 14/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Đ, bà S, bà N, bà L đã nộp xong.

- Nguyên đơn là Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001400, 0001398, 0001401, 0001399 ngày 24/7/2019 của của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Về C phí khảo sát, đo đạc, định giá: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu C phí khảo sát, đo đạc định giá bằng là 5.235.000 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà Đ, bà S, bà N, bà L đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA p TÒA**

Nguyễn Văn Minh

